

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

SỞ Y TẾ

Số:2844 /QĐ-SYT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 23 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Cấp Giấy phép hoạt động, phê duyệt phạm vi hoạt động, danh mục kỹ thuật chuyên môn đối với Phòng khám răng hàm mặt Nha khoa Lê Nguyên thuộc hộ kinh doanh Nha khoa Lê Nguyên

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09/01/2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh ;

Căn cứ Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 61/2025/QĐ-UBND ngày 01/07/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Biên bản thẩm định và Biên bản thẩm định báo cáo khắc phục (mã hồ sơ H24.18-260511-180007) của Đoàn thẩm định thành lập theo Quyết định 1988/QĐ-SYT ngày 30/5/2026 của Giám đốc Sở Y tế Hải Phòng;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Nghiệp vụ Y - Sở Y tế, Phó trưởng phòng phụ trách Phòng Quản lý hành nghề Y dược.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thông tin như sau:

- Tên cơ sở khám, chữa bệnh: Phòng khám răng hàm mặt Nha khoa Lê Nguyên thuộc hộ kinh doanh Nha khoa Lê Nguyên;

- Địa chỉ: Tổ dân phố Quảng Thanh 1, phường Lê Ích Mộc, thành phố Hải Phòng;

- Hình thức tổ chức: Phòng khám Răng hàm mặt;

- Số GPHE: 001772/HP-GPHE do Sở Y tế thành phố Hải Phòng cấp;
- Người chịu trách nhiệm chuyên môn: Bác sỹ Lưu Anh Tuấn;
- Số CCHN: 001365/HP-GPHN do Sở Y tế Hải Phòng cấp ngày 07/11/2025;
- Thời gian hoạt động: Sáng từ 8 giờ 00 đến 11 giờ 00, chiều từ 14 giờ 30 đến 19 giờ 00 từ thứ 2 đến Chủ nhật.

Điều 2. Phê duyệt phạm vi hoạt động chuyên môn, danh mục kỹ thuật tại cơ sở:

- Phạm vi hoạt động chuyên môn: Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng hàm mặt và thực hiện các danh mục kỹ thuật đã được Sở Y tế phê duyệt.

- Danh mục kỹ thuật: Phê duyệt 84 danh mục kỹ thuật thực hiện tại cơ sở theo Phụ lục 01 Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh (*chi tiết theo Phụ lục kèm theo*).

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Các ông (bà): Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính, Trưởng phòng chuyên môn: Quản lý hành nghề Y dược, Nghiệp vụ Y và người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật Phòng khám răng hàm mặt Nha khoa Lê Nguyên thuộc hộ kinh doanh Nha khoa Lê Nguyên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- GD và PGD Trần Quốc Trinh;
- Phòng TCHC (để đăng tải lên cổng TTĐT);
- Lưu: VT, QLHN (02).



Lê Minh Quang

**PHỤ LỤC: PHÊ DUYỆT DANH MỤC KỸ THUẬT CHUYÊN MÔN
THỰC HIỆN TẠI PHÒNG KHÁM RĂNG HÀM MẶT NHA KHOA LÊ NGUYỄN
THUỘC HỘ KINH DOANH NHA KHOA LÊ NGUYỄN (THEO PHỤ LỤC 1 BAN
HÀNH KÈM THÔNG TƯ 23/2024/TT-BYT)**

(Kèm theo Quyết định số 2844 /QĐ-SYT ngày 23 tháng 7 năm 2026 của Sở Y tế
Hải Phòng)

ST T	STT THEO TT 23/2024/T T-BYT	MÃ KỸ THUẬT	TÊN CHƯƠNG	TÊN KỸ THUẬT
1	2	3	4	5
1	14350	16.35	16. RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật nạo túi lợi
2	14353	16.38	16. RĂNG HÀM MẶT	Liên kết cố định răng lung lay bằng dây cung kim loại và Composite
3	14355	16.40	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị áp xe quanh răng mạn
4	14356	16.41	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị viêm quanh răng
5	14357	16.42	16. RĂNG HÀM MẶT	Trích áp xe lợi
6	14358	16.43	16. RĂNG HÀM MẶT	Lấy cao răng
7	14365	16.50	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội
8	14371	16.56	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp tủy bằng MTA
9	14372	16.57	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp tủy bằng Hydroxit canxi
10	14373	16.58	16. RĂNG HÀM MẶT	Lấy tủy buồng răng vĩnh viễn
11	14374	16.59	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng thủng sàn bằng MTA
12	14376	16.61	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy lại
13	14382	16.68	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Composite
14	14383	16.70	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement
15	14384	16.71	16. RĂNG HÀM MẶT	Phục hồi cổ răng bằng GlassIonomer Cement
16	14385	16.72	16. RĂNG HÀM MẶT	Phục hồi cổ răng bằng Composite
17	14389	16.76	16. RĂNG HÀM MẶT	Phục hồi thân răng bằng Inlay/Onlay
18	14390	16.77	16. RĂNG HÀM MẶT	Phục hồi thân răng có sử dụng chốt chân răng bằng các vật liệu khác nhau
19	14391	16.78	16. RĂNG HÀM MẶT	Veneer Composite trực tiếp
20	14395	16.82	16. RĂNG HÀM MẶT	Tẩy trắng răng tùy sống bằng máng thuốc
21	14396	16.83	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị nhạy cảm ngà bằng máng với thuốc chống ê buốt
22	14397	16.84	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị nhạy cảm ngà bằng thuốc bôi (các loại)
23	14398	16.85	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp sứ kim loại thường gắn bằng ốc vít trên Implant
24	14399	16.86	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp sứ Titanium gắn bằng ốc vít trên Implant
25	14401	16.88	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp sứ toàn phần gắn bằng ốc vít trên Implant
26	14402	16.89	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp sứ kim loại thường gắn bằng cement trên Implant
27	14403	16.90	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp sứ Titanium gắn bằng cement trên Implant

28	14405	16.92	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp sứ toàn phần gắn bằng cement trên Implant
29	14406	16.93	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu sứ kim loại thường gắn bằng ốc vít trên Implant
30	14407	16.94	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu sứ Titanium gắn bằng ốc vít trên Implant
31	14409	16.96	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu sứ Cercon gắn bằng ốc vít trên Implant
32	14410	16.97	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu sứ toàn phần gắn bằng ốc vít trên Implant
33	14411	16.98	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu sứ kim loại thường gắn bằng cement trên Implant
34	14412	16.99	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu sứ Titanium gắn bằng cement trên Implant
35	14414	16.101	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu sứ toàn phần gắn bằng cement trên Implant
36	14417	16.104	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp nhựa
37	14418	16.105	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp kim loại
38	14419	16.106	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp hợp kim thường cần nhựa
39	14421	16.108	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp hợp kim Titanium cần sứ
40	14422	16.109	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp sứ toàn phần
41	14424	16.111	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp sứ Cercon
42	14426	16.113	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu hợp kim thường
43	14429	16.116	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu hợp kim Titanium cần sứ
44	14431	16.118	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu sứ toàn phần
45	14432	16.119	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu sứ Cercon
46	14433	16.120	16. RĂNG HÀM MẶT	Chốt cùi đúc kim loại
47	14434	16.121	16. RĂNG HÀM MẶT	Cùi đúc Titanium
48	14439	16.126	16. RĂNG HÀM MẶT	Inlay/Onlay sứ toàn phần
49	14441	16.128	16. RĂNG HÀM MẶT	Veneer sứ toàn phần
50	14442	16.129	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm giả tháo lắp bán phần nền nhựa thường
51	14443	16.130	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm giả tháo lắp toàn phần nền nhựa thường
52	14444	16.131	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm giả tháo lắp bán phần nền nhựa dẻo
53	14446	16.133	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm khung kim loại
54	14447	16.134	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm khung Titanium
55	14449	16.136	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị thói quen nghiến răng bằng máng
56	14450	16.137	16. RĂNG HÀM MẶT	Tháo cầu răng giả
57	14451	16.138	16. RĂNG HÀM MẶT	Tháo chụp răng giả
58	14452	16.139	16. RĂNG HÀM MẶT	Sửa hàm giả gãy
59	14453	16.140	16. RĂNG HÀM MẶT	Thêm răng cho hàm giả tháo lắp
60	14454	16.141	16. RĂNG HÀM MẶT	Thêm móc cho hàm giả tháo lắp
61	14455	16.142	16. RĂNG HÀM MẶT	Đệm hàm nhựa thường
62	14517	16.204	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhổ răng vĩnh viễn lung lay
63	14523	16.210	16. RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật nạo quanh cuống răng
64	14534	16.221	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị viêm quanh thân răng cấp
65	14535	16.222	16. RĂNG HÀM MẶT	Trám bít hố rãnh với GlassIonomer Cement quang trùng hợp
66	14536	16.223	16. RĂNG HÀM MẶT	Trám bít hố rãnh với Composite hóa trùng hợp
67	14537	16.224	16. RĂNG HÀM MẶT	Trám bít hố rãnh với Composite quang trùng hợp
68	14538	16.225	16. RĂNG HÀM MẶT	Trám bít hố rãnh bằng nhựa Sealant
69	14539	16.226	16. RĂNG HÀM MẶT	Trám bít hố rãnh bằng GlassIonomer Cement

70	14540	16.227	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàn răng không sang chấn với GlassIonomer Cement
71	14541	16.228	16. RĂNG HÀM MẶT	Phòng ngừa sâu răng với thuốc bôi bề mặt
72	14542	16.229	16. RĂNG HÀM MẶT	Dự phòng sâu răng bằng máng có Gel Fluor
73	14543	16.230	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị răng sữa viêm tủy có hồi phục
74	14544	16.231	16. RĂNG HÀM MẶT	Lấy tủy buồng răng sữa
75	14545	16.232	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng sữa
76	14546	16.233	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị đóng cuống răng bằng Canxi Hydroxit
77	14547	16.234	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị đóng cuống răng bằng MTA
78	14548	16.236	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng GlassIonomer Cement
79	14549	16.237	16. RĂNG HÀM MẶT	Phục hồi thân răng sữa bằng chụp thép làm sẵn
80	14550	16.238	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhổ răng sữa
81	14551	16.239	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhổ chân răng sữa
82	14552	16.240	16. RĂNG HÀM MẶT	Trích áp xe lợi trẻ em
83	14553	16.241	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị viêm lợi trẻ em (do mảng bám)
84	14613	16.301	16. RĂNG HÀM MẶT	Sơ cứu vết thương phần mềm vùng hàm mặt

** Đối với DMKT “Nhổ răng thừa” (STT theo PL 1 Thông tư 23: 14519, mã kỹ thuật: 16.206): “Nhổ răng thừa, trừ răng ngầm trong xương”.*

